

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 13-3-2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà: Võ Thị Ngọc Nga.

Ông: Nguyễn Thanh Dũ.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bưởi– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 27-02-2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (tên gọi khác T), sinh năm 1986 tại TG. Nơi cư trú: ấp M, xã MHD, thị xã C, tỉnh TG. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Kim Y; bị cáo chưa có vợ và chưa có con. Tiền án: 01; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 12/12/2013, Tòa án nhân dân quận 10, TP. Hồ Chí Minh xét xử Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt 01 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/01/2016, phần trách nhiệm dân sự chưa chấp hành xong.

Ngày 29/9/2017, Nguyễn Văn S bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 20 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 133 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2017 đến nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang (có mặt).

-Bị hại:

Nguyễn Văn Duy Th, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp M, xã MHĐ, thị xã C, tỉnh TG (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp M, xã MHĐ, thị xã C, tỉnh TG (có mặt).

Vũ Duy Q, sinh năm 1978. Vũ Thị Kim N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 42D đường số A, Khu phố B, phường T, quận BT, thành phố H (vắng mặt).

-Người làm chứng:

Trần Văn Vũ Nh, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp M, xã MHĐ, thị xã C, tỉnh TG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/5/2017, Nguyễn Văn S đang ở nhà S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hai bánh hiệu AirBlade BKS 63B2-076.43 của Nguyễn Văn Duy Th sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp M, xã MHĐ, thị xã C, TG để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt, S điện thoại rủ anh Th và Trần Văn Vũ Nh, sinh năm 1981, ngụ cùng ấp đi uống bia. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Vũ Nh điều khiển xe 63H1-4618 chở S, Th điều khiển xe 63B2-076.43 đi một mình đến quán ST địa chỉ Khu A, thị trấn MP, huyện Tân Phước. Tại đây cả 03 bắt đầu uống bia. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này S hỏi mượn xe của Th để đi đón bạn đến cùng tham gia uống bia. Anh Th tin tưởng giao chìa khóa xe, S không đi đón bạn mà điều khiển xe 63B2-076.43 đi đến đường An Dương Vương (đối diện Công viên Phú Lâm – Quận 6, thành phố

Hồ Chí Minh) vào tiệm cầm đồ, cầm xe có viết hóa đơn được số tiền 13.000.000đồng.

Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, S đem hóa đơn cầm xe 63B2-076.43 gặp Vũ Duy Q, sinh năm 1978, địa chỉ: 42D- đường số A, khu phố B, phường TT, quận BT, thành phố H thỏa thuận bán xe đã cầm cho Q với giá 16.000.000đồng. Q đưa cho S 3.000.000đồng, S đưa hóa đơn cầm xe cho Q, Q tự đến tiệm cầm đồ chuộc xe và sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Số tiền bán xe, S đã tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Kết luận số 70/KL-HĐ ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phước kết luận xe mô tô 63B2-076.43, nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn đỏ- đen-bạc, số máy: F27E-0818010, số khung: 2709BY084876 giá trị còn lại tại thời điểm chiếm đoạt thành tiền là 13.600.000đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 xe mô tô 02 bánh, biển số 63B2-076.43, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu sơn đỏ-đen-bạc, số máy: F27E-0818010, số khung: 2709BY084876.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004488 đối với xe 63B2-076.43 mang tên Mai Thị L.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 311322094 mang tên Nguyễn Văn Duy Th do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/11/2015. Giấy chứng minh nhân dân đã bị tẩy xóa, dán hình của Nguyễn Văn S.

*** Xử lý vật chứng:**

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn Duy Th là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô 02 bánh, biển số 63B2-076.43 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước quyết định trả lại xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004488 đối với xe 63B2-076.43 cho anh Th.

*** Phần dân sự:**

- Anh Nguyễn Văn Duy Th yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000đồng chi phí làm lại các giấy tờ đã bị mất. Bị cáo vận động gia đình đã bồi thường xong.

- Vũ Duy Q sau khi chuộc xe 63B2-076.43 đã bán cho Vũ Thị Kim N, sinh năm 1986, địa chỉ: 42D- đường số A, khu phố B, phường TT, quận BT, thành phố H với giá 15.000.000đồng. Ngày 24/12/2017, N cầm xe cho Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1986, địa chỉ: xóm E, xã QH, huyện HL, tỉnh N là chủ dịch vụ cầm đồ “PH” tại 261B, LC, phường TT, quận BT, thành phố H được số tiền 13.000.000đồng. Anh Q và chị N không yêu cầu bồi thường lại số tiền đã mua xe.

Đối với hành vi của Vũ Duy Q mua xe 63B2-076.43. Q không biết nguồn gốc xe 63B2-076.43 là do S lừa đảo chiếm đoạt của anh Th mà có. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSNDTP ngày 31/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Căn cứ Khoản 1 Điều 174. Điểm b, s Khoản 1 Điều 51. Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS. Điều 38. Điều 55, Điều 56 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; tổng hợp hình phạt theo Điều 56 BLHS. Phần trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu. Tiền thu lợi bất chính tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai thừa nhận do cần tiền tiêu xài nên tìm cách nói dối mượn xe để đi rước bạn đến cùng uống bia nhằm làm cho anh Nguyễn Văn Duy Th tin tưởng thật mà giao xe cho bị cáo. Sau đó bị cáo nhận tài sản và chiếm đoạt đem cầm, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật như do bản chất chạy lười lao động, mong muốn có tiền tiêu xài mà không mất công lao động nên bất chấp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2016 đến ngày 27/5/2017 lại phạm tội mới, nghiêm trọng hơn bị cáo hiện đang chấp hành bản án số 31/2017/HSST ngày 29/9/2017 của TAND tỉnh Long An với mức hình phạt 20 năm tù về tội “Cướp tài sản” đây là các tình tiết tăng nặng quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình

sự. Điều đó chứng tỏ bị cáo chưa có ý thức ăn năn hối cải mong muốn trở thành người tốt. Do vậy, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội cũng như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường 1.500.000 đồng tiền bị hại làm lại các giấy tờ đã mất, bị cáo đã bồi thường xong. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

[5] Vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2-076.43 cho anh Nguyễn Văn Duy Th. Riêng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Duy Th bị tẩy xóa dán hình Nguyễn Văn S, hội đồng xét xử xem xét không trả lại anh Th mà lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền bị cáo cầm xe và bán xe tổng cộng 16.000.000đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị thu hồi xe anh Vũ Duy Q và chị Vũ Thị Kim Ng không yêu cầu bồi thường lại số tiền đã mua xe, do đó cần buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước số tiền 16.000.000đồng là tài sản do phạm tội mà có theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở như đã phân tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174. Điểm b, s Khoản 1 Điều 51. Điều 38. Điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm tù.

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 55. Khoản 1 Điều 56 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 31/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của cả 02 bản án là 22 (hai mươi hai) năm, trừ đi thời gian đã chấp hành của bản án trước là 04 tháng 22 ngày. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 21 (hai mươi một) năm 07 (bảy) tháng 08 (tám) ngày, thời hạn tù tính từ 08/12/2017.

2/Về vật chứng:

Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Điểm b, Khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 16.000.000đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Thi hành án một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Riêng giấy chứng minh bị cáo lấy của anh Th dán hình bị cáo, lưu hồ sơ vụ án.

3/Về án phí:

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

4/Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại anh Th, anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Q, chị Ng có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CQ điều tra CAH Tân Phước;
- Trại tạm giam Công an Tiền Giang;
- THADS huyện Tân Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Mẫn